DOCUMENT RESUME

ED 184 926 SO 012 441

TITLE	A Guide to Two Cultures American...[and] a Guide to Two Cultures Indochinese.
INSTITUTION	Social Security Administration (DHEW), Washington, D.C. Office of Family Assistance.
PUB DATE	[79]
NOTE	27p.
LANGUAGE	English; Vietnamese
EDRS PRICE	MF01/PC02 Plus Postage.
DESCRIPTORS	Adult Education; *Asian Americans; Cambodians; *Cultural Awareness; *Cultural Background; Cultural Context; Cultural Differences; *Indochinese; *North American Culture; Postsecondary Education; Vietnamese; Vietnamese People

ABSTRACT

Written for the Indochinese adult immigrant and the American sponsor, friend, or teacher, the document describes the cultures both in English and Vietnamese. The first part is a guide to the American culture. It explains American characteristics that may seem puzzling to a foreigner: the value placed on achievement and hard work, the highly kinetic society, the consumption of natural resources, informality, lack of tradition, generation gaps, crime, volunteerism, and the independence of the American woman. The second part explains the Indochinese way of life in a dictionary format. It covers American institutions that may need explaining to an Indochinese person. banks, burials and funerals, charge accounts, employer-employee relations, and manual labor. Indochinese customs that need explanation to Americans include the lunar calendar, attitudes toward children, distrust of strangers, the allegiance to family, and actions which Indochinese people consider offensive behavior. (KC)

****
* Reproductions supplied by EDRS are the best that can be made *
* from the original document. *
****

U.S. DEPARTMENT OF HEALTH, EDUCATION & WELFARE
NATIONAL INSTITUTE OF EDUCATION

THIS DOCUMENT HAS BEEN REPRODUCED EXACTLY AS RECEIVED FROM THE PERSON OR ORGANIZATION ORIGINATING IT. POINTS OF VIEW OR OPINIONS STATED DO NOT NECESSARILY REPRESENT OFFICIAL NATIONAL INSTITUTE OF EDUCATION POSITION OR POLICY

A GUIDE TO TWO CULTURES AMERICAN...

HƯỚNG DẪN VỀ HAI NỀN VĂN HÓA HOA-KỲ...

U.S. Department of
Health, Education, and Welfare
Social Security Administration
Office of Family Assistance
Washington, D.C.

(SSA) 77-21013

Bộ Y-Tế, Giáo-Dục, và An-Sinh
Ngành Điều hành An-Sinh Xã-hội
Sở Dịch vụ gia đình
Washington, D.C.

(SSA) 77-21013

ED184926

SP012 441

This article, by Arthur Gordon, was originally titled "How to Understand Those Mystifying Americans." It has been adapted and printed with the permission of Friendship Ambassadors of New York City.

Tài liệu nầy, do Tác Giả Arthur Gordon, viết với tựa đề "Tìm Hiểu Đời Sống Bí Hiểm của Người Hoa-Kỳ," đã được phóng tác và ấn hành với sự cho phép của Tổ chức Các Vị Đại Sứ Thân Hữu tại Thành phố Nữu Ước.

U.S. GOVERNMENT PRINTING OFFICE 1979-- 300-411/692

As someone who plans to make a permanent home in the States, you're probably wondering about the two hundred million people who make up the richest, most productive nation on earth. Who are these Americans? How did they get the way they are? What makes them different—if they are different? What makes them tick?

You probably already have some mixed feelings about Americans. You know that they represent less than six percent of the world's population, but at times they seem to make sixty percent of the noise. They're a young society, as nations go, but their impact on other countries and cultures is enormous. Not very surprisingly, the rest of the world regards them with a spectrum of emotions ranging from astonishment and admiration to exasperation and envy.

What will strike you most forcibly on arrival? First—if you travel at all—the size and diversity of the land itself, more than three and a half million square miles of every kind of topography, every climate

Bạn có kế hoạch muốn sinh cơ lập nghiệp vĩnh viễn tại Hoa-Kỳ, rất có thể bạn đang ngỡ ngàng không hiểu về cách sinh hoạt của khoảng hai trăm triệu dân, họ là những người tạo-lập nên một dân-tộc giàu có nhất, sản-xuất nhiều nhất trên trái đất nầy. Những người Mỹ nầy là ai vậy? Bằng cách nào họ đã tạo dựng nên được nếp sống như ngày nay? Cái gì đã phân biệt họ—nếu như họ có những điểm dị-biệt? Điều gì đã đưa đẩy họ có nếp sinh-hoạt như vậy?

Rất có thể bạn đã có sẵn một vài cảm nghĩ pha-trộn về người Mỹ. Bạn biết rằng họ đại-diện cho không đầy sáu phần trăm dân số trên hoàn cầu, nhưng nhiều khi họ sinh-hoạt nhộn nhịp tưởng như là sáu chục phần trăm dồi vồi cuộc sinh hoạt quốc-tế. So với các dân tộc khác, họ là một xã-hội còn trẻ trung, nhưng ảnh-hưởng của họ liên-can tới các xứ khác cũng như các nền văn hóa khác thật là lớn lao. Vì thế ta không lấy làm lạ khi thấy những người khác ở phần còn lại của thế giới nhìn họ bằng cặp mắt dễ cảm xúc từ thái-độ kinh-ngạc và thán-phục đến tức bực và thèm muốn.

Khi bạn mới tới đất Mỹ, những điều gì sẽ khiến cho bạn đặc-biệt lưu ý nhất? Điều thứ nhất,—nếu như bạn đi du-lịch khắp đây đó—diện-tích đất đai và sự khác biệt, hơn ba triệu rưỡi dặm vuông với đủ các địa thế,

under the sun. Next, the tempo of life, pulsing with energy, very fast. Third, the degree to which that life is influenced and conditioned by technology; machines, gadgets, labor-saving devices are everywhere. Fourth, the comfort that most Americans manage to surround themselves with (some faint, disapproving voice inside you may mark this down as a form of deplorable materialism, but all the same you may enjoy air-conditioning and that color television). Finally, you'll be surrounded—and often baffled and bemused—by the Americans themselves.

Some immigrants to the USA remain *permanently* baffled. With despair and accuracy they point out endless paradoxes in the typical American. Friendly on the surface, but hard to know intimately. Hospitable and generous socially, but hard-driving and competitive professionally. Self-satisfied, at times, to the point of smugness but self-critical, at other times, to the point of masochism. And so on.

They find the regional diversity of Americans confusing, too. What on earth, they ask, can a Maine

các loại khí hậu dưới ánh thái-dương nầy. Điều thứ hai, nếp sinh-hoạt, thúc đẩy bằng năng-lượng, rất lanh lẹ. Điều thứ ba, mức độ mà cuộc sống bị ảnh-hưởng và điều hòa bởi kỹ-thuật, cơ-khí, các máy móc tiết-kiệm sức lao-động tại khắp nơi. Điều thứ tư, tiện-nghi mà hầu hết các người Mỹ tạo-dựng chung quanh họ (bạn có thể trong thâm tâm cảm thấy một vài điều gì bất bình về một hình thức của chủ-nghĩa vật-chất không thích hợp, nhưng tất cả nói chung bạn có thể cảm thấy thoải mái với máy điều hòa không khí cũng như với vô tuyến truyền hình màu). Cuối cùng, bạn sẽ được chính các người Mỹ vây quanh, đôi khi trong cuộc giao-thiệp bạn khó hiểu và luống-cuống.

Có một số người di cư tới đất Mỹ ở trong tình trạng thường xuyên bối rối. Với lối lẽ tuyệt-vọng và chính-xác, họ bày tỏ sự chồng chất vô tận của họ trong nếp sinh-hoạt của người Mỹ. Với về mặt thân-thiện bề ngoài, nhưng trong thâm tâm thực là khó hiểu. Hiếu khách và quảng-đại trong cách giao-thiệp xã hội nhưng cạnh-tranh ráo riết về nghề-nghiệp. Tự túc, nhiều khi tới mức độ tự mãn, nhưng biết tự phê-bình, và nhiều lúc khác, tới mức độ khắc-kỷ. Và nhiều đặc tính khác nữa.

Họ cũng cảm thấy luống cuống vì sự khác biệt địa-phương của những người Mỹ. Họ tự hỏi trên mặt

lobsterman have in common with a Dallas banker, a West Virginia coal miner, a Hollywood producer, a Montana sheep-herder, or a black school teacher on a South Carolina sea-island? And they give themselves a bleak and hopeless answer: not much.

But that answer is almost certainly wrong; these people share the mysterious and powerful intangible called nationality. They are all *Americans*, and however faint, a common denominator is there, an almost invisible strand woven out of common history, a common heritage and underneath the surface differences a common way of looking at things.

People never really escape from their origins. So perhaps you should focus for a moment, not on the modern American, but on his ancestor, the seventeenth-century settler who, having survived the grim ocean crossing, found himself with his back to the sea facing a vast and hostile wilderness that had to be tamed and conquered if he was to survive. Conquer it he and his descendants did, in a struggle so epic that

dật nầy có điểm gì tương đồng giữa người dân đánh tôm ở tiểu-bang Maine với một nhà ngân hàng tại Dallas, một người thợ mỏ than tại miền Tây Virginia với nhà sản-xuất chiếu bóng tại Hồ-Ly-Vọng, một dân chăn cừu tại Montana, hoặc một giáo chức da mầu trên một hải đảo ở Nam Carolina? Và họ tự cho họ một câu trả lời mở hồ và vô vọng: không có gì nhiều lắm.

Nhưng câu trả lời đó hầu như chắc chắn sai, nhưng người nầy cũng san sẻ một điều gì tựa như bí-hiểm và mãnh-liệt gọi là quốc-tịch. Họ tất cả đều là những người Mỹ, và mặc dù không được rõ ràng, một mẫu-số chung đã có ở đó, một sợi giây hầu như không thể nhìn thấy được dang thắt chặt họ vào cùng chung một lịch-sử, cùng chung một gia-tài và tuy rằng với những sự khác biệt ở về mặt bề ngoài,, họ có cái nhản-quan về sự vật giống nhau.

Người ta thực sự không bao giờ lẩn tránh nguồn gốc của họ. Bởi vậy, vào một lúc bạn nên tập trung suy tưởng không phải vào người Mỹ hiện-đại, nhưng vào tổ-tiên của họ, người định-cư tại thế-kỷ mười bảy, đã sống sót sau cuộc vượt đại-dương gian-lao, và đổ bộ lên khu đất hoang vu, mênh-mông và đầy hiểm-trở, nơi mà họ đã chinh phục và cày xới trồng tỉa để tạo-dựng cuộc sống. Chinh phục đất đai, họ và

its memory lingers on in countless Western movies. But the thing to remember is this: many of the basic attitudes and characteristics formed in that struggle persist in Americans today. You may find some admirable, and others less so. The point is, they are there.

Everywhere he looked, that early American was surrounded by problems. To this day, by tradition, by training—almost by instinct—Americans are problem-solvers and solution seekers. In some parts of the world, uncomfortable or unpleasant circumstances are endured because they have always been there and people see no alternative. To an American, a problem is not something to be accepted; it is something to be attacked. Adaptability, ingenuity, raw physical energy—these made up the frontiersman's survival kit. To these qualities his descendants have added enormous confidence in their technology and a kind of invincible optimism. No matter what the obstacles, whether they set out to conquer polio or land a man on the moon, Americans are convinced that initiative, intelligent planning and hard work will bring about the desired condition sooner or later.

con cháu họ đã lăm trong một cuộc chiến đấu dũng-cảm đến nỗi rằng cái kỷ-niệm đó được diễn tả hoài hoài trong không biết bao nhiêu những cuốn phim của miền Tây. Nhưng điều để ghi nhớ là: nhiều đặc-tính và thái-độ căn bản được thành hình trong cuộc chiến-đấu ấy, vẫn tồn tại với những người Mỹ hiện-đại. Bạn có thể tìm thấy một vài đặc tính đáng ca tụng, và những cái khác kém hơn. Có điều lạ, những đặc-tính ấy đang có ở đó.

Khắp mọi nơi người ta có cảm tưởng rằng người Mỹ khi xủa xung quanh họ gặp toàn những vấn đề để giải quyết. Cho tới ngày nay, theo truyền thống, do sự tập luyện—hầu hết bởi linh-tính—những người Mỹ là những người giải-quyết vấn đề và là những người đi tìm giải-pháp. Tại một vài nơi trên thế-giới, có những trường-hợp không được êm ái hoặc không được thú vị đang phải chịu đựng, bởi vì luôn luôn những trường hợp đó đã và đang có ở đó và người ta không tìm ra giải pháp nào khác. Đối với một người Mỹ, một vấn đề không phải là một cái gì để được chấp nhận, nó là một cái gì để người ta chiến đấu. Khả năng hấp-thụ, tài khéo léo, năng-lượng thiên-nhiên—những dữ-kiện nầy đã tạo nên trang-cụ tồn-tại cho người chiến-sĩ biên-cương. Cộng thêm vào những đức tính nầy, những người con cháu của họ có sự tin-cậy vô kể vào kỹ-thuật của họ và một niềm lạc-quan mãnh-liệt. Bất

A problem-solver is an achiever, and you will notice at once how greatly Americans respect and value achievement (they have even invented a whole industry called public relations to make sure that achievement doesn't go unrecognized). They are happiest when accomplishment can be measured specifically. A businessman wants his charts and graphs kept rigorously up to date. A book tends to be judged by the number of copies it sells. In sports, Americans' obsession with statistics often amazes non-Americans. No fuzzy theory here; no guess-work. The American wants to know exactly who is achieving what—and if he can't measure it he's inclined to wonder if it's any good.

Một người giải-quyết vấn đề là một người thực hiện cái gì, và bạn sẽ thấy ngay những người Mỹ họ kính trọng và đánh giá công-trình thực hiện như thế nào (họ đã sáng chế ngay cả ra một nền kỹ-nghệ gọi là giao tế công cộng để làm cho chắc chắn rằng sự thực hiện đã không bị phủ-nhận). Họ lấy làm sung sướng nhất khi sự hoàn thành có thể được trắc nghiệm một cách tỉ mỷ và chính xác. Một nhà kinh doanh muốn những bản biểu đồ và thống kê của họ thật đúng với thời-gian hiện đại, một cuốn-sách được đánh giá bằng số lượng đã bán. Về các môn thể-thao, mối quan tâm của người Mỹ với các con số thống kê thường làm ngạc nhiên những ai không phải là người Mỹ. Không thể có lý thuyết mò hồ nói dây, không thể có công việc mò mẫm. Người Mỹ muốn biết chắc chắn ai đang thực hiện cái gì—và nếu nhỏ người đó không thể đo lường được công việc ấy thì người đó nghi ngờ ngay giá trị của nó.

To be an achiever, one must be a do-er, and it will soon be apparent to you that Americans are much

Là một nhà thực hiện, người ta phải là con người hành động, và chẳng bao lâu bạn sẽ nhận thấy rằng

better at doing than at merely being. In fact, you'll notice that if they're deprived of doing for very long, they become miserable. Some Americans grumble about their jobs, but the truth is most of them think they should work hard and most of them like to work. It is that national characteristic more than natural resources or any other factor that has made the USA so productive. In modern American life, the non-worker is regarded with a certain scorn based, perhaps, on the conviction that in pioneer days he would not have survived.

những người Mỹ họ có tài về hành động hơn là người ta tưởng. Thực ra, bạn sẽ nhận thấy rằng nếu họ chẳng có công việc gì làm trong thời gian quá lâu, họ sẽ trở nên khổ sở. Một vài người Mỹ phàn nàn về công việc của họ, nhưng sự thực là hầu hết các người Mỹ nghĩ rằng họ phải làm việc siêng năng và họ thích làm việc. Đó là cái đặc tính quốc gia hơn là những sản phẩm thiên nhiên hoặc một dữ-kiện nào khác đã tạo nên nước Hoa-Kỳ sản xuất được đến như thế. Trong đời sống Mỹ hiện đại, một người dân không làm việc bị nhìn bằng cặp mắt khinh bỉ, có thể với ý nghĩ chắc chắn rằng nếu như sống trong những ngày mới khai hoang lập ấp kẻ ấy đã không tồn tại được.

These attitudes have produced a highly kinetic society, full of movement and constant change. If you're accustomed to a more leisurely pace, you may find the American tempo exhausting. Or you may find it exhilarating. Most Americans enjoy it; it's a high compliment when they say of a person, "He has a lot of drive," or "He knows how to get things done." Almost invariably, the first question an American asks about a newcomer or stranger is, "What does he do?" He's interested primarily in the person's main achievement, his work or his impact on his environment, not his personal philosophy or inner life.

Những thái độ này đã sản-xuất ra một xã hội hết sức nhạy cảm, luôn luôn có sự biến dổi và chuyển dịch. Nếu như bạn quen với một nơi nào thủ thả hơn, bạn có thể cảm thấy người Mỹ làm việc tận lực. Hoặc là bạn có thể cảm thấy xã hội này thích thú yêu đời. Hầu hết những người Mỹ vui sống, thật là một câu khen ngợi chí tình khi mà họ nói về một người nào, "Người đó hoạt động dữ lắm," hoặc là "Người đó biết cách hoàn thành các công trình," Hầu hết không bao giờ thay đổi, câu hỏi đầu tiên của một người Mỹ về một người mới tới hoặc một khách lạ là "Người đó làm gì?" Người Mỹ chú ý trước tiên đến công cuộc chính mà người kia đã thực hiện, tác phẩm của họ

Restless and rootless, the frontiersman had no time to be a philosopher or a theoretician, and his descendants still take a pragmatic and straight-forward view of the world. You may feel that Americans are much more concerned with material than with spiritual things. You're probably right. Religion is woven into the fabric of American life but most people have little taste for metaphysics. Man is seen not so much as a passive part of the scheme of things as a re-arranger of that scheme. When the pioneer needed a water-wheel for a grist-mill, he built one, and his great-grandchildren still have a unique genius for inventing machines that can dominate or subdue their environment. Americans think nothing of moving mountains. If the mountains are in their way, they simply combine their own optimism and energy with unlimited horse power and *push*.

hoặc ảnh hưởng của họ đối với người xung quanh, không phải cái triết lý cá nhân hoặc đời sống nội-tâm của họ.

Làm việc không ngừng và chẳng có cội rễ gì, tiền nhân khai hoang lập ấp khi xưa không có thì giờ nghiên cứu viết lách để trở thành một triết gia hoặc một lý-thuyết-gia và con cháu của họ hãy còn mang một quan điểm thực tế và nhìn thẳng vào sự việc của thế giới. Bạn có thể cảm thấy rằng người Mỹ lo lắng nhiều về vật chất hơn là về tinh thần. Có thể bạn đã đúng. Tôn-giáo đã được dệt thành một loại hàng trong đời sống Mỹ nhưng hầu hết người Mỹ không tin lắm vào thế giới siêu hình. Con người không thể được coi như một bộ phận thụ động của cái khuôn khổ sự vật mà là người xếp đặt lại sự vật đó. Khi xưa, tiền nhân khẩn hoang lập ấp cần một bánh xe chạy bằng sức nước cho máy xay hạt, tiền nhân đã chế ra cái bánh xe đó, và ngày nay cháu chắt của họ hãy còn có cái khả năng sáng tạo duy nhất để sáng chế ra các cơ khí có thể ngự trị hoặc khuất phục được cảnh vật xung quanh. Những người Mỹ không nghĩ đến việc dời núi. Nhưng nếu những ngọn núi đó cứ ở vị trí cũ mà ngăn bước tiến của họ, họ chỉ có việc đơn giản là kết hợp ý-tưởng lạc-quan của họ và năng lực với khả-năng vô-biên của cơ-khí và ủi đi.

Until recently, it's true, Americans have been prodigal with natural resources, because they seemed limitless, and careless about ecology, because the traditional American way was simply to move on when an area had been exploited. Now they are beginning to realize that it is better to cooperate with nature than try to overwhelm it. A European or an Asiatic could have told the American this long ago, but he would not have listened. He learns more quickly from his own mistakes than from the accumulated wisdom of the past.

Cho tới gần đây, đó là sự thật, người Mỹ đã xài quá phí phạm tài nguyên thiên nhiên, bởi vì hình như là đối với họ những tài-nguyên này vô giới hạn, và không được cẩn thận trong vấn đề môi sinh, bởi vì lối sống truyền thống của người Mỹ chỉ giản dị là di-chuyển khi một vùng đã được khai thác xong. Bây giờ họ đang bắt đầu nhận thức rằng tốt hơn hết là cộng-tác với thiên nhiên thay vì hủy diệt nó. Một người Âu-Châu hay Á-Châu có thể đã nói với người Mỹ về điều này từ lâu, nhưng người Mỹ đã không chú ý nghe. Họ học được từ những lầm lẫn của chính họ nhanh hơn là từ các kinh nghiệm, các điều khôn ngoan từ trước xúc tích để lại.

No doubt it will seem to you that the American is usually in a hurry. Because of this, he is extremely time-conscious. He has a strict sense of punctuality and hates to waste time by being late or having others late for appointments. If you are asked how far it is from Saigon to Phnon Penh, you'll probably answer in kilometers. If an American is asked how far it is from Los Angeles to Chicago, he'll probably tell you in hours, with his calculation based on the fastest available mode of transport.

Không còn nghi ngờ gì đối với bạn là hình như người Mỹ thường hay vội vã. Vì lẽ này, họ hết sức chú tâm đến thời gian tính. Họ có một ý thức rất nghiêm chỉnh về việc đúng giờ giấc và ghét việc lãng phí thì giờ vì chậm trễ hoặc bị những người khác làm lỡ hẹn. Nếu như có người hỏi bạn Saigon cách xa Nam Vang bao nhiêu, có thể bạn sẽ trả lời bằng bao nhiêu cây số. Nếu một người Mỹ được bạn hỏi về khoảng cách xa giữa Los Angeles và Chicago, người Mỹ đó có thể sẽ trả lời bạn bằng số giờ phải đi với sự tính toán căn cứ vào phương tiện nào chuyên chở lanh lẹ nhất.

Partly because of this time-obsession, Americans are impatient with ceremony, which is time-consuming, and with protocol, which they view with suspicion as a dubious relic of monarchist days when there were rigid social distinctions between people. Americans are taught from the cradle that "all men are created equal," a phrase enshrined in their Declaration of Independence. They don't really believe that this is true in terms of ability, but they accept it politically. One man, one vote, with the will of the majority prevailing and the rights of the minorities safeguarded. This is the American's political ideal, and it puzzles him greatly when it is not accepted or admired abroad.

In everyday life, in a kind of tacit acknowledgement of this official egalitarianism, Americans tend to be informal, in most parts of the country breezily so. You may be astonished to hear secretaries in American offices call their employers by their first names. The American is also gregarious; he likes to join clubs, or other organizations where the backgrounds and thought-patterns of other members do not differ too much from his own. He is likely to have his friendships compartmentalized: those he works with,

Một phần vì sự ám ảnh bởi giờ giấc, người Mỹ không có kiên nhẫn khi gặp phải lễ-nghi, là dịp dồi hỏi thì giờ, và với việc giao tế nghi lễ, điều mà họ nghi ngờ như là một tàng tích khả-nghi của những ngày thối quân chủ độc đoán khi mà có những sự phân biệt khắt khe trong xã hội giữa loài người. Người Mỹ được giáo dục ngay từ khi còn nằm trong nôi rằng "Mọi người sinh ra đều bình đẳng," một câu trích từ bản Tuyên Ngôn Độc Lập. Họ thực sự không tin tưởng rằng điều này là sự thật trong những điều kiện khả dĩ, nhưng họ chấp nhận nó về mặt chính trị. Mỗi người một lá phiếu, với nguyên tắc đa phiếu thắng cử và quyền của thiểu số được bảo vệ. Điều này là lý tưởng chính-trị của người Mỹ, và họ rất lấy làm thắc mắc khi mà lý-tưởng ấy không được chấp nhận và ngưỡng mộ tại ngoại quốc.

Trong đời sống hằng ngày, với một loại thừa nhận không viết thành văn về chủ-nghĩa bình đẳng chính thức này, người Mỹ tại hầu hết nhiều nơi trong nước phóng phất có xu-hướng không đặt thành vấn đề nghi thức. Bạn có thể ngạc nhiên khi nghe thấy các cô thư ký tại các văn phòng người Mỹ làm việc gọi người chủ bằng tên cải của họ. Người Mỹ cũng thích đời sống tập thể; họ thích tham gia vào các hội, hoặc các tổ-chức khác nơi mà bối cảnh sinh-hoạt và tư-tưởng của những hội viên khác không dị-biệt lắm đối với họ.

those he plays golf or bridge with, those he sees only at social gatherings. He enjoys the companionship of such friends, but he doesn't offer—or expect to receive—deep intimacy or total commitment. The rapid pace and enormous mobility of American society make lifelong friendships difficult, although in small towns and settled communities they do exist.

Some people from other countries say that the thing they miss most is the emotional support that comes from close, sharing friendships. When you have some acute personal problem, you probably turn to a relative or friend. An American is more likely to turn to a psychologist, a psychiatrist or a marriage counselor. Americans have great faith in "the expert," a reflection of their conviction that specialized training and knowledge make problem-solving quicker and produce better solutions.

Most old societies are firmly rooted in tradition. You will find that, while they often have a sentimen-

Họ thích kết tình giao-hữu với những ai cùng làm việc chung với họ, với các người cùng chơi các môn thể-thao golf hoặc bridge, cả với những người họ chỉ gặp trong các dịp họp mặt xã-hội. Họ thích kết tình bạn bè với những người như vậy, nhưng họ không kết thân hẳn hoặc có một sự cam kết hoàn toàn-hoặc họ cũng không hy vọng nhận được tình giao hữu thâm sâu như thế. Cảnh vật biến đổi mau lẹ và sự di chuyển tập nập trong xã-hội Mỹ khiến cho tình giao-hữu lâu bền thành khó khăn, mặc dầu tại các thành phố nhỏ và tại các cư-xá cộng đồng hẳn là tình giao hữu có dấy.

Một số người từ các nước khác nói rằng điều mà họ nhớ nhất là sự nâng đỡ về tình cảm của các bạn hữu thân tín. Khi mà có một vấn đề gì thực sự thuộc về cá-nhân, bạn có thể quay tìm người thân quyến hoặc bạn hữu. Một người Mỹ trong trường hợp này, họ thích quay lại hỏi với nhà tâm-lý học hay một bác sĩ thần kinh hoặc một nhà cố vấn về hôn phối. Người Mỹ đặt tin tưởng nhiều vào các "chuyên viên," họ cho rằng sự thấu hiểu và được huấn luyện chuyên môn, giải quyết được vấn đề mau chóng hơn và tìm ra giải pháp tốt đẹp hơn.

Hầu hết những xã-hội cũ đều bám chặt lấy truyền thống. Bạn sẽ thấy rằng, trong khi người Mỹ thường

tal attachment to the past, Americans are not true traditionalists. To the forward-looking American, established ways are not necessarily best. Unless you settle in an older part of the country—New England or the Deep South—you'll probably find that people regard adaptability as more important than conformity with ancestral ways and customs.

giữ mối giây tình cảm ràng buộc với quá khứ, họ không hẳn là những nhà truyền thống thực sự. Đối với người Mỹ có xu-hướng nhìn về tương lai, những gì đã được thiết lập không nhất thiết tốt đẹp nhất. Trừ phi bạn lập nghiệp tại miền đất cổ xưa của xứ sở—Miền Tân-Anh-Cát-Lợi hoặc miền Nam sâu thẳm—bạn có thể sẽ thấy rằng mọi người coi trọng khả năng thích ứng hơn là theo đúng lối sống cũng như các phong tục của tổ tiên.

In many countries, persons tend to think of themselves primarily as a member of a group, or community, or sect or clan. The American sees himself as an individual, and this individualism makes him wary of authority in any form. He will accept military discipline in wartime, but only reluctantly. He believes in maintaining law and order, but he also believes that he is the best judge of what is good for him. In recent years he has been forced to the conclusion that only centralized government can deal with certain massive social problems. But his basic concept of government remains unshaken: that the State exists to serve him, not the other way round.

Tại nhiều quốc gia, người ta có xu-hướng, nghĩ tới mình trước tiên là một hội-viên của một nhóm, hoặc một cộng-đồng, hoặc một tập thể hoặc một gia-tộc. Người Mỹ tự coi họ là một cá-nhân, và chủ-nghĩa cá nhân khiến cho người Mỹ thận trọng về quyền năng dưới bất cứ hình thức nào. Họ sẽ chấp nhận kỷ-luật quân-sự trong thời chiến, nhưng chỉ là miễn cưỡng. Họ tin tưởng trong việc gìn giữ luật-pháp và trật-tự, nhưng họ cũng tin tưởng rằng họ là vị thẩm phán xét đoán có tài nhất về những gì tốt đối với họ. Trong những năm gần đây, họ đã bị bó buộc phải kết luận rằng chỉ có chính quyền tập trung mới có thể đương đầu được với những vấn-đề xã-hội phức-tạp. Nhưng quan-niệm căn-bản của họ về chính quyền không thay đổi rằng chính thể tồn tại để phục-vụ họ, chớ không phải có nghĩa ngược lại.

You may be troubled by the structure of the American family. Compared to what you are used to, it may seem weak, limited as a rule to a nucleus of parents-with-small-children, lacking strong vertical ties between generations and strong lateral ties to cousins and other kinsmen. For better or worse, American children are encouraged to become self-reliant early and as soon as their education is finished to strike out on their own. This same attitude of independence often impels elderly or retired people to live by themselves; their children do not automatically take over their care and maintenance.

Bạn có thể bị lúng túng khi tìm hiểu cơ cấu của gia đình Mỹ. So sánh với những gì bạn từng quen thuộc, cơ-cấu gia-đình Mỹ hình như tỏ ra lỏng lẻo, được giới hạn như một khuôn khổ mà trung tâm là cha mẹ và những người con nhỏ, thiếu hẳn những mối giây vững chắc ràng buộc theo hệ thống dọc giữa các thế-hệ và những mối giây theo hệ-thống ngang giữa các anh chị em chú bác và những ai thuộc họ hàng ruột thịt khác. Để được tốt đẹp hơn hoặc có khi tồi tệ hơn, các trẻ con Mỹ đều được khuyến khích để trở thành sớm tự-tin và ngay sau khi học vấn hoàn tất, chúng được khuyến khích ra ngoài tự lập. Cũng thái độ độc lập này thường khi thúc đẩy những người già cả hoặc đã hưu trí hay tự lập, lo liệu lấy cho họ, lẻ tất nhiên các con cái của họ không săn sóc gì cho họ cả.

As a result, you will observe, communication between generations in the USA is sometimes limited, and sharp differences of opinion may arise. For example, in recent years the pioneer virtues of initiative, competitiveness and hard, unrelenting work have been challenged by members of the younger generation who feel that these traits, uncontrolled, may lead to a dehumanized, desensitized society.

Kết quả bạn sẽ nhận xét thấy, sự giao kết giữa các thế hệ tại Mỹ quốc thường khi bị giới hạn, và những sự khác biệt chói nghịch về quan điểm có thể xảy ra. Thí dụ, trong những năm gần đây các đức tính của tiền nhân khai hoang lập ấp như sáng kiến, sự cạnh-tranh và sự làm việc nhọc nhằn và nghiêm chỉnh đã bị thách đố bởi những thành phần của thế hệ trẻ trung hơn họ cảm thấy rằng những đặc tính này vì không có kiểm soát, có thể đưa tới một xã hội thiếu nhân tính và cảm xúc của con người.

On the surface, such clashes of opinion may seem diversive or abrasive, but in the long run they may also be healthy. Undoubtedly there *are* many American businessmen or workers who need to expand their cultural horizons, deepen their appreciation of the arts, improve their relationships with people, concern themselves more with their families and less with their bank accounts. It does no harm to point out that the son who scorns his father's obsession with work or business often is attending college and pursuing his iconoclasm at his father's expense. The dialogue can—and frequently does—become rather strident, but it is a typically American way of doing things.

Another thing that may trouble you more than you care to admit is the American crime rate and what seems to be a sinister American susceptibility to lawlessness and violence. The absence of strong gun control laws in the United States may strike you as dangerous.

Bề ngoài, những sự cọ sát về quan điểm như thể có thể hình như dựa tới sự chia rẽ hoặc bất bình nào đó, nhưng về lâu về dài, những sự va chạm đó cũng có thể trở thành bổ ích. Không có sự nghi ngờ gì về việc dã có những nhà doanh thuởng hoặc công nhân Mỹ họ cần mở rộng kiến thức văn hóa của họ, dã đi sâu vào việc thưởng thức các mỹ nghệ, cải tiến sự giao tế của họ với mọi người, lo lắng về gia đình của họ hơn và ít chú ý hơn đối với các trương mục của họ tại ngân hàng. Thật là vô hại về việc nêu ra trường hợp một người con trai bất bình với sự lo lắng của người cha đối với công việc làm hoặc sự kinh doanh của ông ta, người con trai ấy thường khi đang theo đuổi việc học tại trường đại học và tiếp tục việc chống đối các tín-ngưỡng ngay cả của cha anh mà anh cho là sai lầm. Cuộc đối thoại có thể—và thường khi xảy ra—trở nên khá gay cấn, nhưng đó là một lối sống điển hình của người Mỹ thường xử sự.

Một điều khác khiến cho bạn có thể gặp lúng túng hơn là bạn tưởng đó là tìm hiểu về mức độ tội lỗi mà người Mỹ mắc phải và cái gì hình như là cái tâm trạng buồn thảm của người Mỹ đối với tình-trạng vô pháp-luật và dùng bạo lực. Việc thiếu các dạo luật mạnh mẽ về kiểm soát vũ khí tại Hoa-Kỳ có thể đối với bạn cho là nguy hiểm.

The American's resistance to gun control is rooted in his pioneer heritage. Two hundred years ago—even a hundred in some places—owning a gun and knowing how to use it was often the key to survival. In addition, the gun was considered a form of insurance against tyranny; the right of the people to keep and bear arms is written into the Constitution. Rightly or wrongly, many Americans regard any serious attempt to control firearms as the first step in the establishment of a repressive government. They see nothing wrong with guns "in the right hands." The trouble is that wrong hands so often use them.

As for the crime statistics, you'll find that Americans deplore them heartily and are searching urgently for solutions. But causes run deep: poverty in the midst of affluence, the role of the media in emphasizing this (even in slums, the omnipresent television holds out glittering images of the good life being enjoyed by others), the traditional American resistance to authority, and so on. In a highly technological society, if an individual's chances for advancement

Sự kháng cự của người Mỹ đối với việc kiểm soát võ khí bắt nguồn từ sự chống đối của tiền nhân họ khi mới tới khẩn hoang. Hai trăm năm về trước—ngay tại một vài nơi cách đây một trăm năm—có một khẩu súng và biết cách xử dụng nó thường khi là điều kiện chủ-yếu để sinh tồn. Ngoài ra, khẩu súng được coi như một hình thức bảo đảm chống đối lại sự độc tài, quyền của người dân được giữ và mang vũ khí đã được ghi vào bản Hiến pháp. Phải hoặc trái, nhiều người Mỹ coi bất cứ sự toan tính trầm trọng nào về việc kiểm soát vũ khí như là bước đầu tiên trong việc thiết lập một chính phủ đàn áp. Họ không thấy có gì là trái với những khẩu súng "ở" trong các bàn tay chính đáng." Việc rắc rối là những bàn tay không đúng chỗ thường khi xử dụng chúng.

Đối với các bản thống kê tội lỗi, bạn sẽ nhận thấy rằng những người Mỹ ghét thậm tệ những kẻ phạm pháp và họ đang khẩn cấp tìm giải pháp. Những truy nguyên sâu xa: sự nghèo khó ở ngay giữa nơi trù phú, nhiệm vụ của ngành thông tin lại nhấn mạnh ở điểm này (ngay cả trong những cảnh lếu lụp sụp, vô tuyến truyền hình đa dụng ngày nay đã đưa ra những hình ảnh sa-hoa bóng lộn của đời sống khá giả được nhiều người khác vui hưởng), truyền thống chống đối của người Mỹ đối với nhà cầm quyền, và v. v. Trong một xã hội có nền kỹ-thuật cao, nếu như những may mắn

are blocked by poor education, racial discrimination, or lack of opportunity, the way of violence may seem better than no way at all. The ultimate solution probably lies more in improved life-conditions for the underprivileged than in better law-enforcement. But even in America progress toward this Utopia is slow.

của một cá nhân để tiến bước bị cản trở bởi một nền học vấn nghèo nàn, bởi sự kỳ thị về chủng tộc, hoặc thiếu dịp thuận tiện, con đường dùng bạo lực có thể hình như hay hơn hết so với bất cứ con đường nào khác. Giải pháp cuối cùng có thể nằm trong những hoàn cảnh sinh sống được cải tiến đối với những người kém may mắn hơn là tăng cường việc xử dụng pháp luật. Nhưng mà ngay cả tại Mỹ Quốc, những tiến bộ để đi tới một hệ thống tuyệt đối cho sự hoàn hảo cả về mặt xã hội và chính trị hãy còn chậm trễ.

If crime is a dark side of the picture, you'll find a bright side in the typical American's astonishing capacity for volunteer action. Raising funds for a hospital, supporting a museum or symphony orchestra, organizing hospitality for foreign students, banding together for countless causes, Americans don't seem to care what the goal is so long as it offers them a sense of involvement, achievement and the hope of improving their surroundings.

Nếu như tội phạm là một khía cạnh đen tối của bức tranh, bạn sẽ nhận thấy khía cạnh tươi sáng trong cái khả năng đáng kinh ngạc của người Mỹ điển hình trong lĩnh vực hoạt động tự nguyện. Gây quỹ để lập một bệnh viện, ủng hộ một viện bảo tàng hoặc một dàn nhạc, tổ chức giúp đỡ những sinh viên ngoại quốc, cùng nhau tụ họp lại để phục vụ cho vô số kể những hoạt động xã hội khác, các người Mỹ không tỏ ra thắc mắc về mục đích việc tham gia của họ bao lâu mà cái mục đích đó hiện đang cho họ ý thức để tham gia, thực hiện và hy vọng cải tiến được xã hội chung quanh họ.

This extraordinary willingness to cooperate without tangible reward goes back to pioneer days when barn-raisings and cabin-roofings were accomplished, often in a single day, by the combined efforts of friends and neighbors. The secret ingredient may well be the average American's capacity to set aside personal differences—of religion, or opinion or political beliefs—in the interests of getting a job done. Whatever the origin, this deep-rooted American trait offers you a splendid opportunity to make friends easily and join the life of the community. All you have to do is offer your services to the volunteer group of your choice. You'll be taken right in. And put to work!

Đức tính kỳ lạ này về việc tình nguyện công tác bất vụ lợi bắt nguồn từ những ngày tiền nhân mới tới khẩn hoang khi việc xây cất lều trại, vựa thóc được hoàn tất, thường khi chỉ trong một ngày, do sự góp công sức của các bạn hữu và những người láng giềng. Cái tinh thần cộng tác bí hiểm này có thể là cái khả năng của người Mỹ trung bình họ dặt những dị biệt cá nhân ra một bên—tôn giáo hoặc quan điểm hoặc những lập trường về chính trị—để tập trung vào những bổ ích làm cho công việc được hoàn tất. Bất kể do nguồn gốc nào, cái đặc tính sâu xa của người Mỹ hiện tặng cho bạn một cơ may tuyệt vời là để kết bạn dễ dàng và tham gia vào đời sống cộng đồng. Tất cả những gì bạn phải làm là bạn hãy hiến tặng công sức của bạn vào một nhóm tình nguyện mà bạn chọn lựa. Bạn sẽ được mời tham gia. Và bạn được khuyến khích phục vụ!

More often than not, these volunteer organizations are spear-headed and staffed by women. How will you find these women? Remarkably versatile, energetic and self-assured. The typical American wife and mother combines an extraordinary number of skills and roles both in and out of the home. In the home she is cook, laundress, fixer of gadgets, chauffeur, budget-keeper, diagnostician, first-aid expert, child-psychologist, skilled hostess and endlessly on and on.

Thông thường các tổ chức tình nguyện này được điều hành và lãnh đạo bởi các bà, các cô phụ nữ. Bạn sẽ hiểu sao về những người thuộc phái yếu đó? Đặc biệt khéo léo, linh hoạt, cương quyết và tự tin. Người phụ nữ Mỹ điển hình vừa làm vợ, vừa làm mẹ kết hợp một số tài nghệ và nhiệm vụ được cả ở hai nơi trong gia đình và ngoài xã-hội. Trong nhà người phụ nữ đó làm bếp, giặt ủi, sửa chữa những máy móc lặt vặt, lái xe, giữ gìn ngân quỹ, chẩn bệnh, làm việc cứu cấp,

Outside the home she may well be a lawyer, a bank president, a sportswoman, a civic worker, a power in the local church or in local politics.

theo dõi tâm lý của con cái, tiếp khách khôn khéo và vô số kể các công việc khác. Ngoài xã-hội, người phụ nữ có thể là một luật sĩ, một chủ tịch ngân hàng, một nữ thể thao gia, một công nhân dân vụ, một nhân sự tại giáo đường địa phương hoặc một người tham gia vào các hoạt động chính trị trong vùng.

Such a woman usually considers herself the intellectual equal of her husband or any other man. You may feel (and be too polite to say) that the American woman has too much independence. The object of this opinion would laugh at such a notion, point out areas where she feels that even American women are still discriminated against, and assure you that she will settle for nothing less than complete equality.

Một phụ nữ như thế tự coi mình là nhà trí thức ngang với chồng mình hoặc so với các dân ông khác. Bạn có thể cảm thấy (và lễ độ mã nói) rằng người phụ nữ có một tinh thần độc lập quá cao. Người chồng đối quan điểm nầy có thể cười nhạo bảng một ý niệm như thế, họ đưa ra những lãnh vực nói mã họ cảm thấy rằng ngay cả những người phụ nữ Mỹ cũng hãy còn bị đánh giá chênh lệch, và bạn hãy yên trí rằng người phụ nữ đó sẽ tranh đấu để làm sao đạt cho được bình đẳng hoàn toàn.

Many areas of life in America—of life anywhere, for that matter—are extremely complex. You may wonder and worry about race relations. No one can deny that in the USA racial prejudice still exists among all ethnic groups. But overt forms of it have diminished dramatically in the last two decades. The best way to form a balanced judgment is to talk to as many Americans as possible, Americans of all shades of color and opinion, and then reach your own

Nhiều lãnh vực nhân sinh tại Hoa Kỳ—nói về đời sống khắp đó đây— đều cực kỳ phức tạp. Bạn có thể tự hỏi và băn khoăn về sự giao tế giữa các chủng tộc. Không ai có thể phủ nhận rằng tại Mỹ Quốc thành kiến về sắc tộc hãy còn tồn tại trong số tất cả các nhóm dân thiểu số. Nhưng mã những hình thức công khai về loại đó đã giảm bớt một cách rất đáng kể trong hai chục năm gần đây. Phương pháp hay nhất để tạo nên một phán xét quân bình là tiếp súc với

conclusion. One thing to keep in mind is this: the USA is a young country, full of evolutionary ideas and unbelievably swift social changes. If you don't like the way things are, wait a minute!

người Mỹ càng nhiều càng tốt, người Mỹ thuộc tất cả các sắc chủng và quan điểm, để rồi tiến tới kết luận riêng của bạn. Một điều nên ghi trong trí óc là: Hoa-Kỳ là quốc gia trẻ trung, trăn đầy những ý kiến canh cải và có những thay đổi nhanh chóng về xã hội không thể tưởng tượng được. Nếu như bạn không thích lối sống như sự thể đang diễn ra, bạn hãy chờ đợi một phút.

All generalizations, a wise man once said, are false. Then he added, "Including this one." The foregoing is just a sketch—a far from infallible sketch—of the energetic, pragmatic, optimistic, restless, generous, hospitable, self-satisfied-but-also-self-critical bundle of contradictions known as the 20th-century American. If he is different from people elsewhere, it is because his history and his environment have made

Tất cả những kết luận tổng quát, như một hiền triết khi xưa quen nói, đều lầm cả. Rồi người đó thêm vào, "Bao gồm một điều nầy." Cái điều nói trên chỉ là một cái sườn—một cái sườn hãy còn xa lắm đối với việc không thể lầm lẫn được—cái sườn đầy nghị lực, bao gồm những đức tính thực tế, lạc quan, hoạt động không ngủng, rộng-lượng, hiếu khách, tự túc nhưng cũng tự phê bình chỉ-trích, kết hợp các quan điểm ngược chọi nhau được biết như là người Mỹ trong thế kỷ thứ hai mươi nầy. Nếu như người Mỹ đó khác với mọi người ở các nơi khác, đó là bởi vì lịch sử của họ và xã-hội chung quanh họ đã khiến cho họ thành

him different. If he has his faults—and he does—he also has his virtues, not the least of which is that he is seldom dull. Taken all in all, he adds color and zest and excitement to the endless drama of life on the third planet from the sun.

Good luck on your new life in America!

khác biệt. Nếu nhu người đó có những sự lầm lẫn của họ—như họ đã mắc phải—họ cũng đã có những đức tính của họ, trong đó ít nhất ta phải kể đến là đức tính linh hoạt. Cân nhắc tất cả mọi mặt, họ tô thêm được màu sắc, đem lại tính phấn khởi cũng tinh thần khích động vào tấm kịch dài vô hạn của con người trên trái đất, hành tinh thứ ba của thái dương hệ này.

Xin thân ái chúc bạn gặp nhiều may mắn trong cuộc đời mới tại Mỹ Quốc!

Dịch giả Nguyễn Văn Bích

HƯỚNG DẪN VỀ HAI NỀN VĂN HÓA ĐÔNG-DƯƠNG...

Bộ Y-Tế, Giáo-Dục, và An-Sinh
Ngành Điều hành An-Sinh Xã-hội
Sở Dịch vụ gia đình
Washington, D.C.

(SSA) 77-21013

A GUIDE TO TWO CULTURES INDOCHINESE...

U.S. Department of
Health, Education, and Welfare
Social Security Administration
Office of Family Assistance
Washington, D.C.

(SSA) 77-21013

Bạn là người bảo trợ, chủ nhân hay người bạn . . . của một dân tị nan tứ Đông Dương qua đây. . .

Bạn cần biết những gì để có thể giao thiệp hằng ngày với người dân tị nạn nầy mà về các phương diện thái độ, ý kiến và tác phong rất có thể khác xa với bạn?

Về phía người tị nạn, họ cần biết những gì để có thể thích ứng với những sự kiện phức tạp của đời sống Mỹ quốc?

Thư viện của bạn có những cuốn sách viết về đất nước cổ kính của họ với những đền chùa đầy hình tượng rồng rắn; những bộ toàn thư mô tả nền văn hóa, tôn giáo và lịch sử của họ—nếu bạn chịu nghiên cứu để tìm hiểu, bạn sẽ thấy thích thú vô cùng.

Nhưng bạn sẽ nói chuyện gì trong bữa ăn sáng, bạn có thể chỉ dẫn cho họ cách đi xe buýt vào thành phố chăng? Và bữa ăn tối có được thoải mái và vui vẻ hay không?

Chắc chắn là bạn không muốn làm mích lòng người tị nạn, và người đó với những lề lối giao thiệp riêng, cũng rất dễ dặt không biết nên cư xử và hành động thế nào cho phải phép. Người đó cảm thấy phiền vì phải nhờ cậy vào bạn quá nhiều.

You are a sponsor, an employer, a friend . . . of a refugee from Indochina . . .

What do you need to know to cope—on a day-to-day basis—with this person who may be very different from you in attitudes and opinions and behavior?

What does he need to know to get him through the complexities of an American day?

Your library has books on this ancient land of dragons and temples; encyclopedias describe his culture and religion and history—and, if you pursue this search for knowledge, you will be fascinated.

But what do you talk about at breakfast; can you direct him to the bus downtown; is dinner time relaxed and fun?

You don't want to offend. He, with his own code of personal relationships, is wary—he wonders and worries about doing the right thing. He is embarrassed at having to rely on you to such an extent.

1

Tương quan giao thiệp là "một vấn đề tinh thần"; đôi khi bạn và người dân di cư có thể phá bỏ những lề thói riêng mà vẫn duy trì được tình thân hữu. Nhưng ít nhất bạn cũng nên tìm hiểu một số lề lối riêng biệt của họ, dù cho lúc đầu bạn không biết gì về các tập quán truyền thống hay căn bản tôn giáo của những lề lối ấy.

Tập yếu lược này có thể giúp ích cho bạn trong chiều hướng đó.

Rapport is "a thing of the spirit"; you may sometimes break his rules of social conduct—and he yours—and still become friends. But at least learn some of these "rules" even if, at first, you don't understand the traditions or the religious basis behind them.

This glossary may help you.

KHUYẾN CÁO . . . bạn hãy chú ý nghe ngóng, quan sát trong tinh thần cởi mở, và tỏ ra nhẹ nhàng mỗi khi khuyến dụ hay có ý định thay đổi một khía cạnh nào của nền văn hóa cổ xưa đó. Sự hiểu biết của bạn có thể không bao quát được hết các vấn đề và trạng huống, nhưng nếu kiên tâm bạn sẽ hiểu biết thấu đáo hơn.

. . . dân Đông Dương coi trọng lễ độ hơn sự tiến bộ và bạn phải hành xử theo phương cách duy nhất ấy, mặc dầu sẽ có những trở ngại tạm thời.

. . . bạn là một người Tây Phương—do đó, người tị nạn không mong đợi bạn phải thích ứng với tập quán của họ; họ sẽ dễ dãi đối với những khiếm khuyết trong cách giao thiệp của bạn hơn là đối với một người đồng hương của họ.

ADVICE . . . keep an open ear, an open eye, an open mind, and move gently in making suggestions or trying to change any part of this very old culture. Your knowledge may not cover all problems and situations, but with patience your understanding will deepen.

. . . Indochinese prize politeness before progress and this is the only way to proceed, despite temporary frustrations.

. . . you are a Westerner—he doesn't expect you to conform to his customs; he will be much more tolerant of your lapses in etiquette than he would be with a fellow Indochinese.

. . . sự hiểu biết chính xác các tập quán truyền thống của các dân tộc Đông Dương có thể tránh cho bạn khỏi phí vô số giờ nói chuyện với những người vì quá lễ độ nên không muốn bày tỏ sự bất đồng ý kiến một cách công khai và dường như sẵn sàng nghe theo bất cứ một đề nghị nào.

. . . hãy kiên trì. Người dân Đông Dương có tính e ngại không muốn làm phiền nên thường từ chối mọi sự giúp đỡ ngay cả những khi họ thật sự cần và muốn được giúp đỡ. Họ có thể ngại đặt câu hỏi, dù là về những vấn đề quan trọng như vấn đề giáo dục và tìm chỗ học cho con cái của họ.

. . . đôi khi người tị nạn có thể giải quyết các nhu cầu của họ bằng cách viết dễ dàng hơn là nói. Một lá thư cho người bảo trợ—do tự tay mình viết hay, nếu tiếng Anh của người đó kém, do người khác viết dùm—có thể là phương cách bày tỏ ý kiến dễ dàng nhất.

. . . the proper understanding of Indochinese customs and traditions can save endless hours spent talking to people too polite to disagree openly and who seem to respond to any suggestion one makes.

. . . persist. Indochinese shyness and reluctance "to be a bother" will make him refuse help even though he really wants and needs it. He may be afraid to ask questions, even about important matters such as education for his children.

. . . sometimes a refugee can better deal with his needs in writing. A letter to his sponsor—written by him, or, if his English is not good enough, by someone else—may be the easiest way to express himself.

CÂY TRE . . . Biểu tượng cho sự thích ứng, mềm dẻo, là những đặc điểm của người dân Việt.

BAMBOO . . . Vietnamese symbol of adaptability, flexibility, suppleness—characteristics of the people.

NGÂN HÀNG . . . đây là một định chế còn xa lạ. Bạn hãy giải thích cho họ hệ thống trả tiền bằng chi phiếu. Hãy cắt nghĩa cho họ hiểu rằng để tiền trong một trương mục hoạt kỳ tại ngân hàng (hay một trương mục tiết kiệm để sinh lời) sẽ được an toàn hơn là

BANK . . . an unfamiliar institution. Explain our system of paying bills and writing checks. Tell him it is safer to keep his money in a checking account (or a savings account that will earn interest for him) than

bạn hãy dựa họ tới ngân hàng và giúp làm thủ tục. Cũng cắt nghĩa cho họ biết về cách điều hành một trương mục tiết kiệm.

account. Explain how a savings account works.

TANG TỀ . . . Trong số dân tị nạn, có một số người rất lớn tuổi. Những vị này, và nhất là con cháu trong nhà, rất quan tâm muốn biết phải làm những gì trong trường hợp có người quá cố và phải làm những thủ tục nào về tang lễ và chôn cất. Mọi sự chỉ dẫn về vấn đề này đều rất hữu ích.

BURIAL and FUNERAL . . . among the refugees there are some very old people. Those people, and in particular their family members, are anxious to know what to do in case of death and what procedures they should follow for burial and funeral purposes. Any guidance about this matter would be very helpful.

ÂM LỊCH . . . mọi quyết định liên quan đến đời sống cá nhân, chẳng hạn ngày giờ tốt nhất để làm lễ cưới, đều lệ thuộc chặt chẽ vào hệ thống âm lịch. Hệ thống này tương tự như hệ thống bói toán (zodiac) ở Tây Phương, với các chu kỳ mười hai năm (tí, sửu, dần, mão, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi).

CALENDAR (Lunar) . . . personal decisions, such as the most auspicious hour and day for a wedding, are largely tied in with this lunar calendar. It is somewhat like our zodiac system, consisting of twelve-year cycles (rat, buffalo, tiger, cat, dragon, snake, horse, goat, monkey, chicken, dog, pig).

CÁC MÓN NỢ . . . đây là một bi kịch của người dân Mỹ. Hãy dặn dò họ thận trọng đừng để mắc phải cái vạ đó, nhất là khi gần tới thời gian nghỉ lễ.

(Xem mục "Tết"). Hãy giải thích về hệ thống tín dụng ở Hoa-Kỳ.

CHARGE ACCOUNTS . . . an American tragedy. Caution him so that it doesn't become his, especially if it is close to holiday time. (See "Tet.") Explain our credit system.

THIẾU NHI . . . các thiếu nhi Đông Dương có vẻ thường xuyên được chăm nom, cưng nựng vã bồng bế, nếu không do bà mẹ thì cũng do một phụ nữ khác trong gia đình.

Sự tin tưởng cho rằng mỗi người là một đơn vị riêng biệt khiến cho cha mẹ cảm thấy bớt trách nhiệm đối với hành động của con cái họ và do đó thiếu khả năng kiểm soát hành động của chúng. Điều tin tưởng đó cũng khiến cho cha mẹ thấy thanh thản hơn đối với sự phát triển của con cái họ và được tự do vui hưởng với chúng nhiều hơn.

Khi đứa trẻ đến tuổi biết suy nghĩ—khoảng sáu tuổi—thì sự giáo dục nghiêm khắc bắt đầu. Cha mẹ đòi hỏi con cái phải vâng lời và ngăn cản tính độc lập của chúng.

Khi đến tuổi trưởng thành thì trách nhiệm săn sóc lại ngược chiều: con cái phải trông nom cha mẹ.

Người con trưởng, dù là trai hay gái—có bổn phận trông nom các em khi cha mẹ chết, già yếu hay bịnh tật.

KHÍ HẬU . . . đây là một vấn đề thích ứng khó khăn đối với người dân tị nạn định cư ở một miền giá lạnh tại Hoa Kỳ. Chẳng hạn người ấy có thể chọn nơi lập nghiệp ở Minnesota, vì có cơ hội làm ăn, nhưng rất sợ mùa đông đầu tiên tại đó. Bạn hãy giúp họ chuẩn bị quần áo cho thích hợp.

CHILDREN . . . Indochinese babies seem to be constantly fondled, cared for, and carried about, if not by the mother, then by some other woman in the family.

The belief that each person is a unit unto himself leaves parents feeling less responsible for the acts of their children and less apt to control their actions; it also leaves both parents more relaxed about the development of their children, and more free to enjoy them.

When the child reaches the age of reason—about six years old—his strict upbringing begins. Independence is discouraged and his parents demand obedience.

When the child grows up the responsibility of care is reversed—he must care for his elders.

The oldest child—boy or girl—is responsible for his younger brothers and sisters if the parents are dead, old, or ill.

CLIMATE . . . a very difficult adjustment for a refugee who settles in a cold region of the United States. He may choose to live in Minnesota, for example, because of job opportunity, but he fears and dreads this first winter. Try to help him choose proper clothing.

NGHI KỴ NGOẠI NHÂN . . . Người Việt Nam có thái độ cổ truyền là nghi kỵ người ngoại quốc, vì thái độ này cũng trở nên mạnh mẽ vì những cuộc xâm lăng và đô hộ liên tiếp của ngoại bang. Chính người ngoại quốc đã xâm nhập vào các cộng đồng nhỏ bé của họ để thâu thuế, xịt thuốc DDT lên những đất đai của tổ tiên, bắt con cái họ đi lính hoặc cưỡng bách các gia đình phải rời bỏ quê hương bản quán của họ vì thế thái độ "thích hợp" nhất đối với những người ngoại quốc này là lễ phép lánh xa, trừ phi có lợi lộc gì khi tiếp xúc (chẳng hạn tìm được việc làm cho một người bà con, v. v.). Họ tìm những câu trả lời mà họ đoán người hỏi muốn nghe, những câu trả lời có thể có lợi hoặc có thể tránh cho họ bị trả thuế, bị đi lính, hoặc chỉ là những câu trả lời hài hước nhưng mang vẻ nghiêm trang mà nếu người ngoại quốc tin theo sẽ làm cho dân "bản xứ" thích thú cả tuần lễ.

Những người Tây Phương bị coi là ngây thơ vì họ thường chấp nhận người khác qua vẻ mặt. Nhưng người Việt-Nam cũng đôi khi nhắc nhở rằng họ cảm thấy dân Mỹ là những người "tốt bụng."

CHIA TIỀN ĂN . . . đây không phải là phong tục của người Đông Dương. Khi nào đi ăn tiệm với một người bạn mà nếu anh ta đòi trả tiền thì hãy để cho anh ta trả, dù cho bạn rõ ràng có khả năng tài chánh hơn. Nếu bạn cứ trả phần của mình thì có nghĩa là bạn bác bỏ lòng hiếu khách của người đó và coi thường khả năng tài chánh của bạn mình.

DISTRUST of STRANGERS . . . the traditional Vietnamese attitude of distrust of outsiders was heightened by repeated aggressions and dominations by foreigners. It was the outsider who came to their little communities to collect taxes, spray DDT on their ancestral lands, draft their sons or make families leave their ancestral homes. The "proper" behavior toward these outsiders was to politely keep one's distance, unless there was something to gain from making contact (a job for a relative, etc.). Answers to questions reflected what the questioner wanted to hear, answers which would be profitable or would protect them from taxes, the draft, or the spirit world, or just humorous answers given credibly, but which, if believed, would provide entertainment for the "insiders" for weeks to come.

Westerners are considered to be naive because they frequently accept people at face value. But the Vietnamese sometimes mention that they feel Americans have "good hearts."

DUTCH TREAT . . . not an Indochinese custom. If you are eating in a restaurant with your friend and he offers to pay, let him, even though he is obviously less able to afford it than you. For you to pay despite his offer would be considered a rejection of his hospitality and a reflection upon his ability to pay.

TƯƠNG QUAN CHỦ NHÂN VIÊN . . . rất dễ gây nên sự phiền lòng. Ở Việt Nam, chủ nhân có nghĩa mạnh hơn cả chữ "patron" của Pháp, vì bao hàm cả ý nghĩa che chở và bảo hộ. Nếu nhân viên bị đau ốm, ông chủ tiếp tục cung cấp cho anh ta; khi thôi việc, nhân viên được trả thêm ít nhất là một tháng lương; vào dịp Tết, chủ nhân phải tặng một món tiền thưởng thường là một tháng lương. Đó là một thứ bảo hiểm mà người nhân viên được hưởng.

Bạn hãy giải thích cho họ hiểu về lương căn bản và các khoản khấu trừ. Hãy nhắc nhở họ đừng mong đợi có tiền thưởng lớn vào dịp lễ Giáng Sinh hay dịp Tết. Hãy cho họ biết rõ là việc làm có thể bị chấm dứt vì nhu cầu không còn nữa và họ đừng nghĩ rằng cá nhân mình bị ghét bỏ.

HIỂU BIẾT NHIỀU . . . là tình trạng bạn sẽ đạt được sau khi tiếp xúc với những con người dễ thương, nhạy cảm và thận trọng này.

XÃ GIAO . . . một vài nhận xét:

• Người Đông Dương thường có lời lẽ nhún nhường về những món quà tặng cho bạn. Họ thường nói là chúng không có giá trị gì mặc dầu thật tế rất hậu hĩnh.

EMPLOYER-EMPLOYEE RELATIONS . . . a vast potential for hurt feelings. In Vietnam the employer is more the "patron" in the French sense—the protector and guardian; if the employee is ill, he continues to provide for him; if he terminates the employment he provides at least a month's salary; at Tet he is obligated to give a bonus of probably a month's salary. So, in a sense, the employee does have insurance.

Explain base salary and deductions. Tell him not to expect a large bonus at Christmas or New Years. Tell him his job may end because his services are not needed any longer, and not to take it personally.

ENRICHED . . . what you will be after contact with these considerate, sensitive, responsive and gentle people.

ENTERTAINING . . . some observations:

• An Indochinese will make disparaging remarks about his offerings to you. He will tend to say negative things, even though his spread is lavish.

khi dã chơi với bạn lâu năm; tuy nhiên họ sẽ mời bạn đi ăn tiệm dù họ chẳng giàu có gì.

• Thường là người đàn ông trong nhà sẽ ra cửa đón tiếp khi bạn đến thăm họ.

• Người Đông Dương có nhiều khi không đúng hẹn, nhưng bạn nên sẵn sàng bỏ qua trong trường hợp có thể được.

SINH HOẠT HẰNG NGÀY . . . cần được giải thích nhiều lần:

- điện thoại—những số cần thiết.
- những trung tâm mua bán, siêu thị.
- xe hỏi, lái xe, bằng lái xe.
- thư viện và trường học.
- thẻ mua chịu.
- ngân hàng.
- chuyên chở công cộng.
- chương trình làm việc.
- chương trình giáo dục.
- các đồ dùng bằng điện.

until you have been friends for many years; however, he will entertain you in a restaurant, even if he can't afford it.

• It will probably be the man of the house who greets you at the door and welcomes you in.

• Indochinese do not always keep social appointments, but it is best where possible to be a "good sport" and let it pass.

FACTS OF LIFE . . . that will need explaining, over and over again.

- telephones—emergency numbers
- shopping centers, supermarkets
- cars, driving, license
- libraries and schools
- credit cards
- banks
- public transportation
- job programs
- educational programs
- electrical appliances

- tiền tệ.
- hệ thống cân và đo lường.
- các chương trình y tế, giáo dục và xã hội tại địa phương.

GIA ĐÌNH . . . là ưu tiên trên hết của người Đông Dương, trước cả bổn phận đối với tổ quốc hay tôn giáo. Đó là cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo của họ. Người Mỹ có bảo hiểm y tế trợ cấp thất nghiệp, an ninh xã hội, viện dục anh, nhà dưỡng lão và các nhà tâm bịnh học—người Đông Dương thì có gia đình. Gia đình ở Việt Nam là một "đại gia đình," tam đại đồng đường—cặp vợ chồng già, các con trai với vợ con của họ, và những người con chưa lập gia đình. Trong gia đình của người Cam-Bốt thì các con trai con gái đi ra ở riêng khi lấy vợ lấy chồng, vì vậy trung bình mỗi gia đình có năm người. Gia đình còn có thể hiểu rộng như một gia tộc bao gồm những anh em họ, cô dượng, chú thím, v. v. Sau hết, gia đình không phải chỉ gồm những người sống, mà cả những người đã quá vãng cũng như những người chưa ra đời. Bất cứ một việc gì, người Đông Dương cũng lăm trong tinh thần gia đình hơn là cho cá nhân của mình.

- currency
- weights and measures
- U.S. Health, Education and Welfare programs in your area

FAMILY . . . the first loyalty of the Indochinese, before his allegiance to country, before his allegiance to religion. It is his religious, social, economic and political unit. We have health insurance, unemployment benefits, social security, orphanages, old people's homes and psychiatrists—the Indochinese has his family. In Vietnam it is an "extended family," three generations in depth—the senior couple, married sons with wives and children and the unmarried children. In the Cambodian family both sons and daughters leave the household when they marry, so the average household is five members. There can be a "lesser" (immediate) family and a "greater" family including cousins, great aunts and so on. And the family consists not only of the living, but of the spirits of the dead as well as those who have not yet been born. Anything a man does, he does out of family consideration rather than for himself as an individual.

bạn hãy để cho họ mua thức ăn và nấu bếp riêng (như vậy có khi lại rẻ hơn nữa).

Họ cũng sẽ mong có dịp nấu một vài món đặc biệt của họ để mời bạn thưởng thức.

Bạn có thể đề nghị họ cứ "tự nhiên" xử dụng đồ ăn trong tủ lạnh của bạn khi thấy đói bụng. Tuy nhiên có thể họ sẽ không xử dụng vì coi như thế là vô lễ.

BẠN BÈ . . . nếu có thể, bạn nên giúp người Việt hay người Cam-Bốt tiếp xúc với đồng bào của họ trong cùng khu vực. Nếu đã từng sống ở ngoại quốc, tất bạn đã có kinh nghiệm cần gặp được những người bạn Mỹ để mình có thể nói chuyện hoàn toàn thoải mái.

GIẢI TRÍ VÀ THỂ THAO . . . mạt chược, đánh bài, đánh cờ—đó là những thú mê say của người Đông Dương.

. . . đá banh, bơi lội, vũ cầu là những môn thể thao được ưa chuộng. Cũng có một số người chơi quần vợt.

ble, if your household permits, let him buy food and cook for his own family (it may turn out to be economical as well).

And he would probably love to have the opportunity to prepare some of his native cuisine for you to enjoy.

You may suggest that he "help himself" from the refrigerator when he is hungry. He probably will not, because he would consider that to be impolite.

FRIENDS . . . see if you can help him contact other Vietnamese or Cambodians in your community. You know, if you've ever been abroad, how "hungry" you can get for a word of English, for Americans you can completely relax with and not wonder over every word.

GAMES and SPORTS . . . mah-jong, cards, chess—the Indochinese are avid game players.

. . . soccer, swimming, badminton, are favorite sports. Tennis is played by some.

QUÀ TẶNG . . . khi được tặng quà, người Đông Dương ghi nhận lòng qúi hóa của bạn đã nghĩ đến họ hơn là chú ý đến món quà. Vì vậy, có thể họ sẽ cám ơn bạn rồi mang món quà về mở ở nhà và không khi nào nhắc đến nó nữa. Dường như họ cho rằng nếu sau này nhắc thẳng đến món quà thì tức là thiếu biết ơn đối với hành động cho quà của bạn. Đây là một dấu hiệu cho thấy rằng tình nghĩa giao thiệp được coi trọng hơn là giá trị vật chất.

Trong một xã hội cổ truyền chỉ có những người trong gia đình hoặc bạn thân mới trao quà cho nhau. Đối với người Đông Dương, việc một phụ nữ nhận quà của một người đàn ông không quen biết nhiều là một hành động không đúng phép.

GIFTS . . . it is the act of remembering him for which he thanks you. So perhaps he will thank you and take the present home to open and make no mention of it again. It is almost as though he would show less gratitude for your act of giving if he later referred to the item directly, an indication that the personal relationship is treasured above the material gift.

In a traditional society, only family and close friends exchange gifts. It is not completely proper for an Indochinese woman to accept a gift from a man she does not know well.

CÙNG ĐI VỚI HỌ . . . mỗi khi họ đi kiếm việc, kiếm nhà hay mở một trương mục ngân hàng. Người tị nạn sẽ đỡ bị lúng túng khi có người bạn Mỹ đi cùng, ít nhất là trong lúc đầu.

GO WITH HIM . . . whether he is job-hunting, house-hunting, or opening a bank account. At least initially, the refugee does better if he is accompanied by an American.

BẮT TAY . . . đã trở thành một thói quen đối với nhiều người Đông Dương thuộc phái nam. Tuy nhiên, tốt nhất là dừng nên bắt tay phụ nữ trừ khi họ đưa tay ra trước.

HANDSHAKING . . . has gained wide acceptance among men in Indochina. It is probably best, though, not to shake hands with a woman unless she offers her hand first.

VIỆC LÀM . . . đây là ước vọng ưu tiên của hầu hết các chủ gia đình. Người tị nạn mong muốn được người bảo trợ cố vấn về vấn đề tìm kiếm việc làm để họ có thể sớm tự túc và nuôi gia đình họ.

Người chủ gia đình thường ngại ngùng phải kiếm lấy việc làm, và mong muốn người bảo trợ thu xếp dùm những cuộc gặp gỡ và đi cùng với họ. Kinh nghiệm cho thấy rằng người tị nạn dễ kiếm được việc nếu có người bảo trợ đi cùng.

Ngay cả khi người tị nạn đã kiếm được việc làm, bạn cũng nên tiếp tục về các vấn đề liên hệ với công việc của họ. Người tị nạn thường e ngại không muốn thảo luận với chủ nhân và thường không biết cách xoay xở thế nào trong một số trường hợp có liên quan đến vấn đề lao động. Vì vậy nguồn cố vấn duy nhất mà họ trông cậy là những người Mỹ ở ngoài sở làm việc của họ.

JOB . . . the most important aspiration of most head-of-households. The refugee is anxious to get advice and counsel from sponsoring friends on getting a job that will make him self-sufficient and able to begin supporting his family.

The head-of-household will generally be shy about looking for a job himself and will expect his sponsor to arrange interviews and accompany him. Experience has shown that the refugee has a better chance of obtaining employment if his sponsor actively assists, including visiting the prospective employer with the refugee.

Even after the refugee has obtained employment, a dialogue with him about the job and job-related problems is extremely beneficial. The refugee will be shy about discussing problems with the employer and will not know how to handle some employment-related situations. Therefore, the only source of counsel will be Americans outside the job or office.

KHỎ-ME . . . là ngôn ngữ của dân Căm-Bốt.

KHMER . . . the language of the people of Cambodia.

HÔN NHAU . . . khác với người Tây Phương, dân Đông Dương không ôm hôn để chào mừng nhau ở nơi công cộng.

KISS . . . Indochinese do not—in public or as a form of greeting—as we do.

NGÔN NGỮ . . . một trong những mối ưu tư chính của người Đông Dương là họ không có thể bày tỏ đầy đủ các ý nghĩa bằng tiếng Anh. Mọi cố gắng giúp cho họ được học Anh Văn bán thời gian hay, nếu cần, toàn thời gian, sẽ khiến họ dễ dàng thích ứng với nền văn hóa mới và dễ kiếm được việc làm. Nếu không có sẵn lớp học ở nhà trường thì có thể tổ chức dạy Anh Văn với những người thiện chí nhận giúp.

CƯỜI HỖ HỐ . . . người Tây Phương ngạc nhiên vì thấy người Đông Dương cười sằng sặc không những khi có truyện buồn cười mà cả khi vui thích, lúng túng, hay muốn che dấu một tình cảm xúc động nào đó. Họ cười khi thích thú, khi có tin mừng, khi bị sửa sai, hay khi tả một tai nạn. Họ cũng cười để giúp cho người khác khỏi cảm thấy lúng túng.

Người Đông Dương có một óc hài hước vui vẻ dễ dàng, nhưng cũng nên chờ một thời gian trước khi nói chuyện khôi hài với những người khác văn hóa. Có những chuyện đáng cười đối với nền văn hóa này lại trở thành bi thảm hay lạt lẽo đối với nền văn hóa khác.

Người Đông Dương thán phục những người biết cười những lầm lẫn của chính mình.

LANGUAGE . . . one of the principal concerns of the Indochinese is that he cannot yet fully express himself in English. Efforts to provide training in English on a part-time or, if necessary, full-time basis will do much to ease his transition into a new culture and pave the way for employment. If formal schooling is not available, language training could be organized on a volunteer basis.

LAUGHS and GIGGLES . . . disconcerting to a Westerner because an Indochinese laughs and giggles not only when he thinks some joke is funny but when he is happy, embarrassed, or covering up emotions he does not wish to show. If he is enjoying himself, excited over good news, being corrected, describing an accident—he laughs. He laughs to keep someone else from being embarrassed.

Indochinese have a delightful, light-hearted sense of humor, but it takes some time to be able to use humor with a people of such a different culture. Things that are humorous in one culture are pathetic or don't seem funny in the other.

Indochinese admire a person who can laugh over his own mistakes.

MAY RUI . . . người Đông Dương quan niệm con người sinh ra đã mang sẵn một vài duyên nợ của kiếp trước. Những yếu tố đó quyết định tình cảnh và may rủi của mọi người trong kiếp sống này. Mọi người đều nhận lãnh hậu quả các hành động của mình ở kiếp này trong một kiếp sau. Vì "bất hạnh" là hậu quả tất nhiên của hành động quá khứ, nên người Đông Dương có vẻ không cảm thấy có trách nhiệm nhiều với người khác. Đây cũng là một trong những lý do giải thích tại sao truyền thống của họ thiếu quan tâm đến các dịch vụ xã hội.

LAO ĐỘNG TAY CHÂN . . . thường bị coi là đáng khinh đối với những người sang trọng. Bạn có thể giải thích cho họ hiểu là xã hội Mỹ quan niệm khác hẳn, và có nhiều người Mỹ lại thích làm việc tay chân.

ĐỊA VỊ ĐÀN ÔNG . . . trong xã hội có truyền thống phụ hệ, phái nam được tôn trọng, nhất là những người già cả. Một phụ nữ truyền thống trong xã hội Đông Dương phải nghe lời: trước nhất là người cha (khi chưa lấy chồng), kế đó là người chồng, và sau nữa là người con trưởng nếu chồng đã chết. (Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử).

LUCK (Good and Bad) . . . one comes to this life with certain credits and debits from the last. These dictate one's position and luck in this life; each person is responsible for his own actions in this life which will establish his status in the next. Since "bad luck" is a necessary payment for past bad actions, Indochinese do not seem to feel much personal responsibility for others. This suggests the reason for the traditional lack of interest in social services.

MANUAL LABOR . . . considered beneath the dignity of refined people. You might explain that is not true here, and some Americans even enjoy it.

MEN . . . in this traditionally patriarchal society great respect is given to men, especially to older men. A traditional Indochinese woman must obey: first, her father (before marriage); second, her husband; third, her eldest son, if she is a widow.

NHỮNG NGỘ NHẬN . . . sẽ xảy ra. Nếu bạn có điều gì đáng phiền muộn nói ra thì tốt hơn hết nên nói qua một người thứ ba hơn là nói thẳng với họ. Như vậy có thể tránh được sự lúng túng.

Nhưng cũng có khi nói thẳng lại tốt hơn. Họ dễ chấp nhận điều đó đối với người Tây Phương hơn là đối với người đồng hướng của họ.

Người Đông Dương một khi bị mích lòng thì thường khó giao thiệp tốt đẹp trở lại như trong xã hội Tây Phương.

Đây là thí dụ về một trường hợp có thể gây nên ngộ nhận: Bạn có một gia đình dân tị nạn gồm năm người chẳng hạn đang sống chung với bạn. Có những bà con khác trong "đại gia đình" của họ đang sống riêng biệt ở gần đó. Người chủ gia đình sống với bạn vẫn cảm thấy có bổn phận đối với những người đó, và bạn có thể thấy ông ta mong đợi bạn giúp đỡ cả những người đó nữa.

TÊN HỌ . . . tên người Việt Nam luôn luôn sắp xếp theo thứ tự: họ tên đệm và tên riêng (trái với thứ tự tên người Mỹ).

Ông, bà hay cô được đứng liền với tên riêng hơn là với họ (cũng lại khác với người Mỹ). Vì thế, DƯƠNG

MISUNDERSTANDINGS . . . will occur. If you have something unpleasant to say to him it may be better if this is done by a third party, rather than your telling him directly. In this way you avoid embarrassment.

But sometimes it works better just to jump in and tell him. He will accept from a Westerner what he would not from a fellow Indochinese.

If an Indochinese is wronged, it is usually more difficult to reestablish a relationship than in a Western society.

Example of a possible situation that could cause hard feelings: You have a family of, say, five refugees living with you. Other "extended family" members are established independently close by. Your head-of-household still feels his obligation to provide for his family, and you might find that he expects your help in assisting these other family members.

NAMES . . . in Vietnam nearly always consist of a family name, middle name and given name, usually *in that order* (the reverse of our custom). Mr., Mrs., Miss, are used with the given name rather than the family name. (Again, the reverse of our custom.) Thus DUONG VAN MINH is "Mr. Minh" and

VĂN MINH được gọi là "Ông Minh" và NGUYỄN THỊ BÌNH là "Bà Bình," trừ khi bạn bè thân thì gọi nhau ngay bằng tên riêng.

Phụ nữ khi lấy chồng vẫn giữ tên riêng, nhưng thường được gọi bằng tên của chồng. Đặc biệt khi người đàn bà có nghề nghiệp riêng thì thường dùng chính tên mình để giao dịch.

Con cái thường lấy tên họ cha.

Người Cam-Bốt cũng theo thứ tự đó, nhưng thường không đặt tên đệm.

Sự kiện này có thể gây lúng túng trong một xã-hội xử dụng máy điện tử. Nếu người tị nạn mở trương mục ngân hàng, bạn nên dặn kỹ họ ký tên đúng với tên viết trên chi phiếu hay trên phiếu gởi tiền.

Có lẽ sẽ dễ lầm lẫn hơn cho cả người Mỹ lẫn người Việt nếu tên họ được dùng theo thứ tự Việt Nam, nghĩa là coi tên thứ ba như tên gọi và tên chót.

Ghi chú: Tên đệm "VĂN" luôn luôn dùng cho phái nam: và tên đệm "THỊ" dùng cho phái nữ.

KHÔNG . . . một tiếng nặng nề vô phép. Người Đông Dương nói "Dạ không." (Coi mục "Câu Hỏi").

NGUYEN THI BINH is "Mrs. Binh," unless being addressed by a close friend, in which case the Mr. and Mrs. is dropped (i.e. Minh or Binh).

The wife keeps her name after marriage, but she usually uses her husband's name as a "calling name"; especially if she is a professional she would use her own name in dealing with someone.

Children usually take their father's family name.

Cambodians use this same order, but they usually don't have a middle name.

You can imagine that this could cause confusion in our computerized world. If your friend opens a bank account, be sure he signs his name as he will write it on checks and deposit slips.

It is probably least confusing to both Americans and Vietnamese if the name is used in the Vietnamese order, with the third name regarded as being both a first and last name.

Note: The middle name "VAN" is almost always masculine; the middle name "THI," feminine.

NO . . . a rude word. The Indochinese says "yes." (See "Questions.")

CỬ CHỈ BẤT NHÃ . . . đặt tay lên đầu người khác bị coi như một hành động xúc phạm, đối với người Việt Nam và nhất là đối với người Cam-Bốt. Chỉ có cha mẹ mới làm như vậy, ngay cả vợ chồng cũng không.

Hành động cấm kỵ này có thể được chấp nhận nếu đối với con nít và nếu làm với một vẻ triu mến hơn là với điệu bộ cha chú.

. . . vỗ lưng cũng không được coi là một hành động phải phép.

. . . vẫy gọi bằng một ngón tay hay bằng bàn tay ngửa là một cử chỉ khinh khi. Nên giải thích ở Mỹ cử chỉ này không có ý nghĩa đó.

. . . gác chân lên bàn dù ở nhà hay trong văn phòng.

. . . nổi nóng nơi công cộng. Người Đông Dương kính trọng những người nào bình tĩnh trong mọi trường hợp.

. . . tỏ lộ tình cảm công khai, dù là nóng giận, hôn xuộc hay triu mến.

KIÊN NHẪN . . . là điều mà bạn rất cần có.

OFFENSIVE BEHAVIOR . . . touching him on the head. An insult, to Vietnamese and *especially* to *Cambodians*. Only parents may do this—not a wife or husband.

For children this taboo may be less strict; if the gesture is affectionate, rather than paternalistic, it may be all right.

. . . slapping him on the back. This personal kind of handling is not part of his culture.

. . . beckoning with a finger, or waving him to you with your palm upwards means something different in Indochina. Explain that it is not considered rude here.

. . . putting feet up on a table or a desk, either at home or in the office.

. . . creating a scene in a public place. The Indochinese respect people who "keep their cool" in time of stress.

. . . displaying feelings in public, whether of anger, arrogance, or affection.

PATIENCE . . . what you will need a lot of.

và sợ hãi cảnh sát. Hãy nhấn mạnh những điều ích lợi và cho thấy chỉ có một số ngoại lệ.

CÂU HỎI . . . nên thận trọng khi đặt câu hỏi, nếu không bạn sẽ chỉ được câu trả lời mà bạn muốn nghe hơn là sự thực (Xem "sự thật").

Hỏi dò tin tức đòi hỏi một kỹ thuật đặc biệt trong cách đặt câu hỏi, thường có vẻ chậm và gián tiếp đối với người Tây Phương. Một câu hỏi quá trực tiếp sẽ làm cho người bị hỏi cảm thấy lúng túng hoặc khó chịu. Tối kỵ những câu hỏi thẳng về các vấn đề chính trị hay có tính cách nguy hiểm, hoặc những câu hỏi mà có thể họ không biết để trả lời.

"Tôi nghe nói tối qua có chuyện gì xảy ra ở hồ tắm" (ngừng một chút để chờ xem phản ứng của người nghe) xuôi tai hơn là hỏi "Tối qua có chuyện gì ở hồ tắm?" hoặc "Tối qua có vụ đánh lộn ở hồ tắm phải không?". Câu hỏi thứ hai quá trực tiếp và thúc bách còn câu hỏi thứ ba khó được một câu trả lời đúng sự thật.

Vấn đề này còn rắc rối hơn nếu bạn đặt những câu hỏi theo thể phủ định, chẳng hạn "Hôm nay trời có vẻ không mưa, có phải không?". Câu trả lời đúng mà

been largely negative and he may fear them. Stress the positive aspects and note that there are only occasional exceptions.

QUESTIONS . . . be careful how you phrase them, or you may get the answer you want to hear rather than the correct one. (See "Truth.")

Finding out information takes a special technique in question phrasing which sometimes seems slow and indirect to the Westerner. A very direct question will make him feel a little embarrassed or ill at ease. Direct questions on political or other threatening topics (or simply questions that he might not know the answer to) are taboo. "I heard someone say that something happened at the swimming pool last night," (with a pause for his reaction) is preferable to "What happened at the swimming pool last night?" or "Is it true that there was a fight at the swimming pool last night?" The second is too direct and pushy and the third too leading for a trustworthy answer.

This problem is further complicated by asking negative questions such as, "It doesn't look like it will rain today, does it?" The correct answer is often the

người Đông Dương sẽ nói là: Vâng (Dạ). Người Mỹ thì sẽ trả lời "không" với cùng một ý đó. Nếu ngẫm nghĩ kỹ, bạn sẽ thấy cách trả lời của họ đúng hơn. Vậy tốt hơn hết là đừng có đặt câu hỏi theo lối phủ định.

one given by the Indochinese—"Yes." We expect to hear "No." Think it out and you will see that he is really correct. Best advice: don't ask questions in the negative.

LÝ VỚI TÌNH . . . một điểm khác biệt căn bản trong nhân sinh quan của người Mỹ và người Đông Dương; quan điểm cá nhân của người Đông Dương này không thể được nhấn mạnh một cách quá đáng.

REASON vs. SENTIMENT . . . a basic difference in the American and Indochinese approach to life; this personal approach of the Indochinese cannot be emphasized too strongly.

TỪ CHỐI . . . là một vấn đề tế nhị. Nếu người bạn Đông Dương tỏ ý định làm một việc gì giúp bạn, bạn có thể trả lời cám ơn và nói rằng mình không muốn phiền ông ta. Nếu người đó không tiếp tục đề nghị thì có thể coi đó chỉ là một đề nghị xã giao (cũng như người Mỹ nói "lúc nào anh ghé chơi," một lời mời lịch sự nhưng tiêu cực). Nhưng nếu người đó vẫn nhấn mạnh đề nghị thì bạn có thể chấp nhận, và có lẽ làm thế thì tốt hơn.

REFUSING A FAVOR . . . a delicate matter. If your Indochinese friend announces he plans to do something for you, you may say to him that he is too kind and you do not want to trouble him. If he doesn't pursue his offer, you may assume he was offering as a matter of form (such as an American may say, "You must drop by sometime"—a polite but meaningless invitation). But if he still insists and you can possibly accept, it may be best to do so.

THĂM PHONG CẢNH . . . cũng như bất cứ một người nào mới tới đây, người dân tị nạn muốn được thăm viếng các danh lam thắng tích ở địa phương. Hãy đưa họ đi sở thú, đi "picnic" (ăn ngoài trời) tại công viên, thăm viện bảo tàng hay bất cứ nơi nào mà bạn nghĩ họ sẽ thích.

SIGHTSEEING . . . just as any other newcomer, he will want to see the local attractions. Take him to the zoo, for a picnic in the park, to an art museum or whatever you feel he might enjoy.

nụ cười khinh bỉ, nụ cười nhàn nhã, nụ cười "cay đắng," nụ cười "thú vị." Người Đông Dương được giáo dục rằng những con người đứng đắn bao giờ cũng sẵn sàng nở nụ cười, mọi xúc động đều là chuyện cá nhân và phải được tỏ lộ riêng tư. Người Đông Dương có thể diễn tả sự khác nhau bằng nụ cười, và bạn cũng có thể làm như vậy. Nếu bạn nghi ngờ có chuyện gì trục trặc, bạn hãy quan sát, lắng nghe và tìm hiểu cho khéo léo. Đôi khi, câu nói: "Tôi tin chắc anh có chuyện gì đang . . . bận tâm" có thể lấn cho người nghe trả lời thật tình. Bạn cũng nên khởi sự giảng giải cho họ hiểu rằng có nhiều trường hợp bày tỏ sự xúc động được coi là tự nhiên ở Hoa-Kỳ.

wry smile, a bitter smile, a happy smile Indochinese are taught that anyone of proper upbringing always smiles—emotions are private and personal. An Indochinese can tell the difference in smiles, and so will you be able to. If you suspect something is wrong, watch and listen carefully and try to discover it tactfully. Sometimes saying, "I am sure there is something disturbing . . . upsetting . . . you" will pull out an answer. Also, begin to discuss how it is perfectly all right to show some emotions in America.

TẾT . . . là đầu năm mới Âm Lịch ở Việt Nam và là ngày lễ lớn nhất trong năm. Đây là dịp cho người ta trả hết nợ nần, sửa đổi mọi lỗi lầm, quên đi những chuyện bực mình trong quá khứ, bỏ qua những hành động xúc phạm của người khác và xóa bỏ mọi hận thù. Đây cũng là dịp cho người ta mua sắm thả cửa. Hầu như nhà nào cũng quên dành dụm và mua sắm thật nhiều quần áo, thực phẩm và quà biếu. Bạn có thể sầu lòng khi thấy ông bạn Việt Nam tiêu pha quá khả năng của anh ta.

TET . . . the beginning of the lunar New Year period in Vietnam, and the most important holiday. The time for paying off all debts, correcting all faults, forgetting past mistakes, pardoning others for their offenses and no longer having enemies. Also the time for a shopping spree. Practically every family forgets thrift and buys large quantities of new clothing, food and presents. You may be distressed if you see your Vietnamese friend spending in a way you know he cannot possibly afford.

THỜI GIỜ . . . là một sợi giây cao su, tức là có thể co dãn được. Người Đông Dương không có nếp sống đúng hẹn. Nhiều người công nhận rằng người Mỹ rất chú trọng đến thì giờ, vì bạn cứ việc nhắc nhở họ mà khỏi sợ phật lòng. Nên nhấn mạnh rằng những buổi hẹn về công việc cần phải rất đúng giờ.

Mặt khác, bạn cũng đừng quên nhắc cho họ biết rằng giờ giấc xã giao ở bên Mỹ lại khác. Thí dụ khi ta được mời tối nhà ai hồi 7 giờ thì ta thường tới nơi vào khoảng 7 giờ 15 hay 7 giờ 30 mà vẫn được coi là "đúng giờ." (Nếu tới sớm, chúng ta có thể khiến cho bà chủ nhà hấp tấp vì đang bận thu xếp mọi việc vào phút chót).

NẮM TAY NHAU . . . giữa những người đồng phái không bị coi là bất thường như quan niệm của Tây Phương. Cử chỉ này không có liên quan gì đến "tình dục." Vì vậy, mỗi khi thấy hai người đàn ông hay hai người đàn bà giắt tay nhau đi ngoài đường, ta chớ nên phê phán theo quan niệm ở Tây Phương. Hãy giải thích rằng ở xứ này không có thói quen đó và nhiều người có thể khó chịu hoặc chế nhạo họ vì thấy kỳ lạ. Khi hai bên đã hiểu nhau nhiều hơn, bạn có thể nói rõ ràng hơn về các vấn đề tế nhị.

TIME . . . a rubber band—something that has give, that can stretch and contract slowly. Punctuality is not a part of the Indochinese way of life. Many of them recognize that in America we are more time-conscious; however, reminding them cannot hurt. Stress that business appointments are kept promptly.

On the other hand, don't forget to mention that our social time is different. For instance, if we're invited to someone's home at 7:00, we often arrive about 7:15 or 7:30 and consider it "on time." (If we arrive early we might interfere with the last minute tasks of a harried hostess.)

TOUCHING . . . between members of the same sex there is apt to be more of it than we're used to. This touching has nothing to do with "sex." So when we see two young men holding hands, or two young women, we should not impose our locally learned interpretation upon their ways. You might explain that it is not the custom in this country, and that some people might disapprove or mock them because of its strangeness. As you come to know each other better, you might be more specific within the area of tactfulness.

Tuy nhiên giữa những người khác phái thì họ lại hành động khác hẳn: đàn ông đàn bà không nắm tay hoặc ôm lưng nhau nơi công cộng.

SỰ THẬT . . . là một phép xã giao không cần dựa trên sự kiện. Đó là "chân lý" của tương quan giao thiệp giữa mọi người. Người Đông Dương chấp nhận những lời nói dối não không gây nên phiền phức hay xấu hổ.

TIẾP ĐÓN . . . tốt nhất là nên đơn giản và êm ả với một số người thật sự cần thiết trong việc đón tiếp.

Nếu bạn tổ chức một buổi tiếp tân, nhất là lần đầu, nên giới hạn thời giờ đừng kéo dài quá khuya. Tiếp đãi nhiều người lạ quá lâu sẽ mệt vô cùng.

PHỤ NỮ . . . phụ nữ Đông Dương thường được coi là những người đàn bà duyên dáng nhất và đẹp nhất thế giới, ngoài ra họ còn được ghi nhận là hiền hậu và nhường nhịn nam phái. Tuy nhiên họ không thể bị coi rẻ vì họ vẫn thường điều động các ông chồng, quản trị công việc nội trợ và đời sống kinh tế của gia đình. Quan niệm thông thường là đàn bà lo tề gia nội trợ và đàn ông thì chuyên việc văn chương thơ phú.

But between members of the opposite sex, the reverse is true—a young woman and young man do not hold hands or touch in public.

TRUTH . . . a social amenity not necessarily based on fact. It is the "truth" of pleasant personal relationships. Indochinese honor lies in not giving embarrassment or shame.

WELCOME . . . a quiet simple one, by the few people who will assume primary responsibility, is best.

If you have a social evening, especially at the beginning, limit it to the early hours and keep it short. It's a terrible strain to absorb very many strange people for a long time.

WOMEN . . . often considered the most graceful and beautiful women in the world, Indochinese women are noted for their gentleness and for deferring to men. But they should not be underestimated; they frequently control these men, the home, and the economic power of their community. There is a saying that women should control "low things such as the economics" while men should concern themselves more with poetry. Politics, however, which is

Tuy nhiên, công việc chính trị, vốn được coi là của dân ông, lại thường bị các bà ảnh hưởng mạnh mẽ nếu không muốn nói là chi phối, mặc dù họ thường hoạt động qua tay các ông chồng.

Một nhận xét: Nếu một phụ nữ có tính thủ cựu, bà ta sẽ hết sức thủ cựu. Ngay cả khi bà ta theo đúng nền nếp cũ, bà ta vẫn có tính thần tự lập, nhất là đối với người phụ nữ Việt Nam. Việt nam là một quốc gia có một lịch sử chiến tranh dai dẳng—người phụ nữ đã trở nên quen sống một mình, đôi khi đảm đương luôn cả công việc trong gia đình và công việc nội trợ trong khi người đàn ông phục vụ trong quân [illegible]

MỘT ÍT TỪ NGỮ . . . Hãy học lấy [illegible] từ ngữ trong tiếng nói của họ. Họ sẽ lấy làm vui lòng.

CÓ (DẠ, VÂNG) . . . tiếng nầy trong ngôn ngữ Việt Nam hay Khờ-Me không hoàn toàn giống nghĩa như tiếng YES trong Anh Ngữ. Khi người Mỹ hỏi: "Anh có hiểu không?" thì câu trả lời ở sở làm hay ở nhà sẽ là "có." Họ cho rằng trả lời "không" là vô lễ vì có nghĩa là bạn không biết giải thích. Trong công việc, trả lời "yes" có thể là anh ta chưa biết làm việc đó. Hiểu rõ điều nầy, bạn có thể xoay quanh, hỏi bằng

usually classified as men's domain, is often strongly influenced by women though they often work through men.

An observation: If a woman is traditional, she is very much so. Even while retaining traditional ways, she may be very independent, especially the Vietnamese woman. Vietnam has a history of almost constant war—the women have become accustomed to being alone, perhaps taking over the family business and the household while the men are in the military.

WORDS and PHRASES . . . learn a few in his language. He will be delighted.

YES . . . when spoken by a Vietnamese or Cambodian does not mean the same as "yes" in English. Often it means "Yes, I hear you" rather than "Yes, I agree with you." The American asks "Do you understand?" The proper answer at work or at home is, of course, "Yes." It would be impolite to say that he does not understand for it would imply you could not explain. In a job it could imply he can't do the job. If you realize this, you can work around it, ask questions

những câu khác nhau—rồi dần dà bạn có thể giảng cho [illegible] biết rằng ở Hoa Kỳ xác nhận rằng mình không hiểu không hề có nghĩa là vô lễ. (Xem "câu hỏi").

CHỤP HÌNH . . là một hình thức kết thân hay nhất. Thoạt tiên, hãy chụp ít và xin phép trước. Những cha mẹ có con nhỏ gần như bao giờ cũng vui thích nếu bạn tỏ ý muốn chụp hình con cái họ. Máy polaroid (chụp hình lấy liền) được họ thích nhất. Bạn nên lưu ý đến một vài điều dị đoan của họ khi chụp hình dân bà có thai nếu chụp hình sẽ sinh con xấu xí; nếu ba người chụp hình chung thì sẽ có một trong ba người đó bị đau ốm hay chết (vì thế họ có thể mời thêm một người bạn hay người ngoài vào chụp chung, hoặc tách ra làm hai lần chụp để tránh con số 3).

differently—and you can gradually teach that in America it is not impolite to admit you do not understand. (See "Questions.")

ZOOM LENS or POLAROID . . . a fine "ice breaker." Take pictures with a little restraint at first, and with permission. Parents with babies are almost always pleased if you ask to take their children's pictures. Polaroid cameras get sensational response. There are a few superstitutions about taking pictures that you might take note of: a baby will be born ugly if the mother's picture is taken while she is pregnant; if there are three people in a group photo one of the three will become ill or die (so they might ask to have a friend or stranger included, or break up the group for two pictures in order to change the number).

SUGGESTED READING:

General Sources:

Ruth Benedict	Patterns of Culture (Boston: Houghton Mifflin, 1959)
Ina C. Brown	Understanding Other Cultures (Englewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall, 1963)
John P. Fieg & John G. Blair	There is A Difference: 12 Intercultural Perspectives (Washington, D.C.: Meridian House International, 1975) — Available from: Meridian House International 1630 Crescent Place, N.W. Washington, D.C. 20009 Price: $2.50
Edward T. Hall	The Silent Language (Greenwich, Connecticut: Fawcett Publications, 1959)
Edward T. Hall	The Hidden Dimension (Garden City, New York: Doubleday, 1969)
Clyde Kluckhohn	Mirror for Man (New York: Fawcett World Library, 1972)
Alison Raymond Lanier	Living in the U.S. (New York, N.Y.: Charles Scribner's Sons, 1973)
Larry Samovar & Richard E. Porter, Eds.	Intercultural Communication: A Reader (Belmont, 1972)
Edward Stewart	American Cultural Patterns: A Cross Cultural Perspective (Pittsburgh: Regional Council for International Education, 1971) — Available through: Mr. David Hoopes Intercultural Communications Network 107 MIB University of Pittsburgh Pittsburgh, Pa. 15260 Price: $2.95

SUGGESTED READING—Continued

VIETNAM SPECIFIC:

Ann Caddell Crawford	Customs and Culture of Viet Nam (Rutland, Vt.: Charles E. Tuttle Co., 1966)
Director, Foreign Area Studies	Area Handbook for South Viet Nam (Washington, D.C.: American University, 1967
Frances Fitzgerald	Fire in the Lake (New York, N.Y.: Vintage Books/Random House, 1972)
Gerald Cannon Hickey	Village in Viet Nam (New Haven, Conn.: Yale University Press, 1964)